

Bản án số: 146/2018/HS-PT
Ngày 26 tháng 11 năm 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh**

Các Thẩm phán: - Ông **Lê Thành Trung** và ông **Phạm Đình Thanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Biên** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Nhơn** - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 187/TLPT-HS ngày 12 tháng 11 năm 2018, đối với bị cáo **Trần Lê A**, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 236/2018/HS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Lê A, sinh năm: 1979, tại Hà Nội; nơi cư trú: 41 Ngõ 6, phố V, phường K, quận B, thành phố Hà Nội; chỗ ở trước khi bị bắt: Không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn Q** và bà **Lê Thị H**, sinh năm: 1963; có vợ, đã ly hôn và một người con sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự số 349/HSST ngày 19 tháng 6 năm 1999, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt **Trần Lê A** 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Hình sự năm 1985.

- Tại Bản án hình sự số 206/HSST ngày 19 tháng 8 năm 1999, Tòa án nhân dân quận B xử phạt **Trần Lê A** 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Hình sự năm 1985. Chấp hành xong hình phạt ngày 20 tháng 8 năm 2000.

- Tại Bản án hình sự số 152/HSPT ngày 26 tháng 4 năm 2001, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt **Trần Lê A** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21 tháng 01 năm 2003.

- Tại Bản án số 499/2013/HSST ngày 18 tháng 11 năm 2013, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội, xử phạt Trần Lê A 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24 tháng 9 năm 2015.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28 tháng 10 năm 2017; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 10 năm 2017, đối tượng Dững (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) điều khiển xe máy hiệu Wave (không xác định được biển số chở Trần Lê A đi đến tiệm tạp hóa số 131 đường Đ, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa để mua xăng. Khi Dững mua xăng, Trần Lê A đi vào tiệm tạp hóa, thấy không có ai trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Trần Lê A đi đến ngăn bàn trong tiệm lấy trộm được 2.450.000 đ (hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) rồi nhanh chóng bỏ đi ra ngoài. Lúc này, chị Trần Thị Tuyết N là vợ anh Lê Hồng Đ ngồi trong nhà phát hiện Trần Lê A lấy trộm tiền nên tri hô và cùng chồng là anh Đ bắt giữ Trần Lê A và báo cho công an phường V, còn đối tượng Dững điều khiển xe mô tô chạy thoát.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 236/2018/HS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Trần Lê A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, bị cáo Trần Lê A kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm mức hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị cáo Trần Lê A kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, nên

kháng cáo của bị cáo được cấp phúc thẩm xem xét.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Lê A đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập. Như vậy, đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 10 năm 2017, tại tiệm tạp hóa số 131 đường Đ, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, Trần Lê A đã có hành vi lén lút, trộm cắp số tiền 2.450.000 đ (hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) trong ngăn bàn của chị Trần Thị Tuyết N và anh Lê Hồng Đ thì bị phát hiện, bắt giữ.

Hành vi của bị cáo Trần Lê A có đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về điều khoản và tội danh này là đúng.

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác; Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án nhiều lần nhưng không tích cực tu dưỡng đạo đức, sống lang thang, tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo là phù hợp.

Lý do bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì mẹ già, không người chăm sóc con nhỏ là không có cơ sở vì: Bị cáo sống lang thang, nghiện ma túy, nhân thân xấu nên mức án 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và cũng đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên, khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Thành khẩn khai báo” cho bị cáo theo quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 khi thời điểm bị cáo phạm tội Bộ luật này chưa có hiệu lực pháp luật là chưa chính xác vì: Tình tiết giảm nhẹ này không phải là tiết giảm nhẹ mới, có lợi cho bị cáo so với tình tiết giảm nhẹ tương ứng được quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 nên cấp phúc thẩm điều chỉnh việc áp dụng pháp luật cho chính xác.

[3] Bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 343; Điểm a Khoản 1 và Khoản 2 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Lê A và giữ nguyên bản

án sơ thẩm:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138, Điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo Trần Lê A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 28 tháng 10 năm 2017.

2. Bị cáo Trần Lê A phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 26 tháng 11 năm 2018).

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thành phố N;
- VKSND thành phố N;
- Công an thành phố N;
- Chi cục THA dân sự TP Nha Trang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Anh